

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016



Hải Phòng, tháng 02 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên (từ nhiệm ngày 01/07/2016)
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Phú Hiếu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 03/02/2016)

Ban Giám đốc

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/11/2016)
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/12/2016)
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Ngày 06 tháng 02 năm 2017

Số: 29 /VACO/BCKT.HP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06/02/2017, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4, Công ty áp dụng miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



Nguyễn Hồng Hiên
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1117-2013-156-1
Thay mặt và đại diện cho
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VACO TẠI HẢI PHÒNG**
Ngày 06 tháng 02 năm 2017

Lương Thị Thúy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1148-2013-156-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.213.087.384.914	2.349.717.807.748
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	702.509.175.685	1.171.668.961.521
1. Tiền	111		20.501.175.685	76.982.486.089
2. Các khoản tương đương tiền	112		682.008.000.000	1.094.686.475.432
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	951.688.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		951.688.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		173.573.975.161	342.126.386.294
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		15.251.076.332	24.904.420.092
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	141.206.460.000	307.161.484.589
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	17.116.438.829	10.060.481.613
IV. Hàng tồn kho	140	9	369.916.389.790	817.444.017.882
1. Hàng tồn kho	141		369.916.389.790	818.760.481.699
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.316.463.817)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.399.844.278	18.478.442.051
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	240.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.465.017.382	18.238.442.051
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		11.934.826.896	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		939.309.879.587	588.160.958.435
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		139.623.210.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	139.623.210.000	-
II. Tài sản cố định	220		9.493.508.541	11.216.340.040
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	9.493.508.541	11.216.340.040
- Nguyên giá	222		13.473.079.215	13.267.480.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.979.570.674)	(2.051.140.760)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.079.090.909	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.079.090.909	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	788.081.827.022	576.886.985.528
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		788.081.827.022	576.886.985.528
V. Tài sản dài hạn khác	260		32.243.115	57.632.867
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		32.243.115	57.632.867
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.152.397.264.501	2.937.878.766.183

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		85.272.423.972	176.709.618.575
I. Nợ ngắn hạn	310		85.272.423.972	176.709.618.575
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.913.468.600	1.712.250.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11	25.634.525.746	39.533.239.219
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		2.486.516.347	2.655.549.857
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	613.636.373
5. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	47.087.221.100	47.246.460.550
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	75.000.000.000
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		642.388.897	1.526.779.294
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.508.303.282	8.421.703.282
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.067.124.840.529	2.761.169.147.608
I. Vốn chủ sở hữu	410		3.067.124.840.529	2.761.169.147.608
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	13	2.747.440.630.000	2.330.904.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.747.440.630.000	2.330.904.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	13	139.270.925.591	124.532.011.543
3. Cổ phiếu quỹ	415	13	(42.082.508.146)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	13	19.572.915.034	19.572.915.034
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	13	201.630.967.164	284.794.837.523
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		171.013.231.310	25.784.634.753
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.617.735.854	259.010.202.770
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.291.910.886	1.365.103.508
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.152.397.264.501	2.937.878.766.183


Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu
Ngày 06 tháng 02 năm 2017


Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng


Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.577.706.816.734	3.512.705.644.333
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		863.636.364	4.707.272.746
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	16	1.576.843.180.370	3.507.998.371.587
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	1.488.832.595.794	3.124.906.985.025
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		88.010.584.576	383.091.386.562
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	61.642.474.378	30.751.536.741
7. Chi phí tài chính	22	19	2.680.665.814	19.705.564.094
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		487.500.000	8.832.492.790
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		442.626.379	(668.245.452)
9. Chi phí bán hàng	25		6.484.011.731	(7.593.814.871)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		6.336.946.855	12.643.321.331
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		134.594.060.933	388.419.607.297
12. Thu nhập khác	31		21.936.100.434	122.731.050.398
13. Chi phí khác	32		1.203.735.861	1.153.100.386
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		20.732.364.573	121.577.950.012
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		155.326.425.506	509.997.557.309
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		16.798.435.564	28.819.095.192
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		138.527.989.942	481.178.462.117
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	70		138.514.676.294	481.000.899.770
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	71		13.313.648	177.562.347
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	528	3.427

Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu

Ngày 06 tháng 02 năm 2017

Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>155.326.425.506</i>	<i>508.895.586.029</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	1.928.429.914	(118.061.944.438)
Các khoản dự phòng	03	(2.200.854.214)	2.790.919.824
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	23.726.591	4.873.223
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(61.239.013.474)	(29.555.896.865)
Chi phí lãi vay	06	487.500.000	8.832.492.790
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>94.326.214.323</i>	<i>372.906.030.563</i>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	48.668.252.397	(229.042.523.063)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	448.844.091.909	(87.850.477.286)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(12.897.052.133)	(744.526.784.685)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	265.389.752	57.561.529
Tiền lãi vay đã trả	14	(487.500.000)	(8.832.492.790)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(18.006.288.522)	(32.001.182.156)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.174.485.952)	(581.781.457)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>558.538.621.774</i>	<i>(729.871.649.345)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(2.079.090.909)	(3.596.629.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	1.056.731.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.052.463.000.000)	478.372.437.702
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.100.775.000.000	(155.701.128.446)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(208.000.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	44.132.961.568	20.677.948.616
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(1.117.634.129.341)</i>	<i>340.809.360.235</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	315.000.000.000	1.220.951.127.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(42.082.508.146)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	944.197.031.980
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(75.000.000.000)	(942.629.200.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(107.980.940.440)	(168.359.798.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>89.936.551.414</i>	<i>1.054.159.160.980</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	<i>50</i>	<i>(469.158.956.153)</i>	<i>665.096.871.870</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.171.668.961.521	506.580.539.574
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(829.683)	(8.449.923)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	702.509.175.685	1.171.668.961.521

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị: VND



Bùi Thị Minh Nguyệt
Người lập biểu

Ngày 06 tháng 02 năm 2017



Hồ Thị Xuân Hòa
Kế toán trưởng



Yã Văn Cảnh
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0200815578 đăng ký lần đầu ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 12 ngày 20/05/2016.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 là: 2.747.440.630.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HHS.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô con, ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 39 người (tại ngày 01/01/2016 là 40 người).

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có 01 Công ty con

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	99,78	99,78	Kinh doanh ô tô

Và các Công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	48,00	48,00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viêt Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45,45	45,45	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Prukxa Việt Nam	Phòng 8A, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	46,35	46,35	XD nhà các loại
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	48,50	48,50	Kinh doanh linh kiện ô tô

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định liên quan đến các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy có cổ đông lớn, Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đồng thời là cổ đông, Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy;
- Các Công ty liên doanh, liên kết
- Các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Bất lợi thế thương mại

Bất lợi thế thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: giá thực tế đích danh. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tại 31/12/2016, Ban Giám đốc Công ty đánh giá linh kiện chậm luân chuyển của Công ty không giảm giá đáng kể, do đó không áp dụng chính sách trích lập dự phòng, nếu Công ty áp dụng chính sách trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho như các năm trước thì chi phí giá vốn hàng bán bị ảnh hưởng tăng khoảng 02 tỷ đồng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Thiết bị văn phòng	05
Phương tiện vận tải	08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông, Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và Vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011, Công ty được miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật”.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	771.631.914	421.613.752
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.729.543.771	76.560.872.337
Các khoản tương đương tiền (*)	682.008.000.000	1.094.686.475.432
Cộng	702.509.175.685	1.171.668.961.521

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<i>Ngắn hạn</i>	951.688.000.000	951.688.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	951.688.000.000	951.688.000.000	-	-
Cộng	951.688.000.000	951.688.000.000	-	-



6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	576.886.985.528	180.000.000.000
Tăng do đầu tư công ty liên kết	208.000.000.000	397.220.400.000
Ảnh hưởng theo phương pháp vốn chủ	2.752.215.115	334.830.980
Phần lợi nhuận trong kết quả kinh doanh của Công ty liên doanh, liên kết	442.626.379	(668.245.452)
Số cuối năm	<u>788.081.827.022</u>	<u>576.886.985.528</u>

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam(*)	288.000.000.000	289.502.270.962	80.000.000.000	80.381.957.042
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	100.000.000.000	102.001.185.750	100.000.000.000	101.566.376.103
Công ty TNHH Prukca Việt Nam	262.522.400.000	260.159.556.557	262.522.400.000	259.138.652.383
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	135.800.000.000	136.418.813.753	135.800.000.000	135.800.000.000
Cộng	<u>786.322.400.000</u>	<u>788.081.827.022</u>	<u>578.322.400.000</u>	<u>576.886.985.528</u>

(*) Trong năm, Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy thực hiện góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam. Theo đó số cổ phần sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy với Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam nâng lên thành 48%.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết cần được trình bày. Tuy nhiên, do các công ty liên kết mà Công ty đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, đồng thời hiện chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Ngắn hạn</i>	<u>17.116.438.829</u>	<u>10.060.481.613</u>
Lãi tiền gửi phải thu tạm tính	17.106.049.078	9.254.448.243
Ký quỹ, ký cược	10.389.751	806.033.370
<i>Dài hạn</i>	<u>139.623.210.000</u>	-
Công ty Cổ phần ô tô Công nghệ mới (*)	139.623.210.000	
Cộng	<u>156.739.648.829</u>	<u>10.060.481.613</u>

(*) Phản ánh khoản hợp tác đầu tư giữa CTCP Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang (Hoàng Giang) cùng Công ty Cổ phần ô tô Công Nghệ Mới theo hợp đồng số: 21/2.2016/CNM-HG về việc đầu tư dự án Khu đô thị nhà thu nhập thấp (kết hợp showroom ô-tô) tại xã An Đông, huyện An Dương, TP. Hải Phòng với diện tích khoảng 30.419,00m². Theo đó, Hoàng Giang thực hiện góp vốn thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh để được quyền khai thác 45% dự án với quyền khai thác đầy đủ như quyền của chủ đầu tư. Dự án sẽ hoàn thiện các thủ tục pháp lý và phân phối các sản phẩm ra thị trường trong thời gian 36 tháng.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	VND	USD	VND
<i>Ngắn hạn</i>				
Dongfeng Moto Co.,Ltd	916.000,00	20.848.160.000	6.340.661,00	142.740.308.239
Nhà cung cấp nước ngoài khác	-	-	321.300,00	7.244.351.100
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	-	5.139.000.000	-	156.651.825.250
Công ty Cổ phần Ô tô Công nghệ mới	-	114.310.000.000	-	-
Các đối tượng khác	-	909.300.000	-	525.000.000
Cộng	916.000,00	141.206.460.000	6.661.961,00	307.161.484.589

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	93.414.197.135	-	83.140.939.825	-
Chi phí SXKD dở dang	4.725.670.981	-	-	-
Thành phẩm	16.894.042.147	-	40.597.106.418	-
Hàng hóa	65.935.887.128	-	290.311.592.491	1.316.463.817
Hàng gửi bán	188.946.592.399	-	404.710.842.965	-
Cộng	369.916.389.790	-	818.760.481.699	1.316.463.817

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	12.924.264.002	343.216.798	13.267.480.800
Tăng khác	205.598.415	-	205.598.415
Số dư cuối năm	13.129.862.417	343.216.798	13.473.079.215
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.807.837.039	243.303.721	2.051.140.760
Khấu hao trong năm	1.909.829.914	18.600.000	1.928.429.914
Số dư cuối năm	3.717.666.953	261.903.721	3.979.570.674
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	11.116.426.963	99.913.077	11.216.340.040
Tại ngày cuối năm	9.412.195.464	81.313.077	9.493.508.541

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Ngắn hạn</i>	<u>25.634.525.746</u>	<u>39.533.239.219</u>
Các đại lý	24.234.525.746	37.642.589.219
Khách hàng lẻ	1.400.000.000	1.890.650.000
Cộng	<u>25.634.525.746</u>	<u>39.533.239.219</u>

12. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Ngắn hạn</i>	<u>47.087.221.100</u>	<u>47.246.460.550</u>
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47.074.020.000	47.074.020.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.201.100	172.440.550
Cộng	<u>47.087.221.100</u>	<u>47.246.460.550</u>

(*) Công ty TNHH Pruksa International đã ứng trước 2.261.000 USD (tương đương với 47.074.020.000 VND) cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	573.642.410.000	14.116.236.000	-	12.780.251.000	146.969.868.807	747.508.765.807
Tăng vốn trong năm	1.588.905.570.000	110.995.557.000	-	-	-	1.699.901.127.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	168.356.300.000	-	-	-	(168.356.300.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(168.359.798.000)	(168.359.798.000)
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	6.792.664.034	(6.792.664.034)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	481.000.899.770	481.000.899.770
Ảnh hưởng ghi nhận theo pp vốn chủ	-	-	-	-	334.830.980	334.830.980
Giảm khác	-	(579.781.457)	-	-	(2.000.000)	(581.781.457)
Số dư đầu năm nay	2.330.904.280.000	124.532.011.543	-	19.572.915.034	284.794.837.523	2.759.804.044.100
Tăng vốn trong năm (1)	300.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	315.000.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (1)	116.536.350.000	-	-	-	(116.536.350.000)	-
Tăng, giảm Cổ phiếu quỹ (2)	-	-	(42.082.508.146)	-	-	(42.082.508.146)
Chia cổ tức bằng tiền (3)	-	-	-	-	(107.896.940.440)	(107.896.940.440)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	138.514.676.294	138.514.676.294
Ảnh hưởng ghi nhận theo PP vốn chủ	-	-	-	-	2.752.215.115	2.752.215.115
Tăng khác	-	-	-	-	2.528.672	2.528.672
Giảm khác	-	(261.085.952)	-	-	-	(261.085.952)
Số dư cuối năm nay	2.747.440.630.000	139.270.925.591	(42.082.508.146)	19.572.915.034	201.630.967.164	3.065.832.929.643

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(1) Chi tiết phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/02/2016, đại hội đồng cổ đông đã phê chuẩn thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức còn lại năm 2015 với tỷ lệ 5% và phát hành riêng lẻ như sau:

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức:

- Số lượng chứng khoán phát hành: 11.653.635 cổ phiếu.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Tỷ lệ thực hiện: 5%

Chào bán cổ phiếu riêng lẻ

- Số lượng cổ phiếu phân phối: 30.000.000 cổ phiếu
- Giá bán: 10.500 đồng/ cổ phiếu
- Tổng tiền thu từ chào bán cổ phiếu: 315.000.000.000 đồng.

(2) Trong năm, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 04/4/2016 về việc Công ty sẽ mua cổ phiếu quỹ với số lượng tối đa là 05 triệu cổ phiếu theo phương thức khớp lệnh. Đến ngày 31/12/2016, Công ty đã hoàn thành việc mua cổ phiếu quỹ.

(3) Công ty tạm ứng cổ tức năm 2016 với tỷ lệ là 4% tương đương với 107.896.940.440 đồng theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 13/2016/NQ-HĐQT ngày 24/10/2016.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 2.747.440.630.000 đồng.

Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm 10/11/2016 như sau:

	Vốn cổ phần cuối năm		Vốn cổ phần đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy	1.004.893.340.000	36,58	-	-
Ông Đỗ Hữu Hạ	48.000.000.000,00	1,75	522.201.510.000	22,40
Ông Đỗ Hữu Hậu	-	-	223.128.670.000	9,57
PYN Elite Fund (NON-UCITS)	-	-	254.295.410.000	10,91
Cổ đông khác	1.694.547.290.000	61,67	1.331.278.690.000	57,12
Cộng	2.747.440.630.000	100	2.330.904.280.000	100

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
- Vốn góp đầu năm	2.330.904.280.000	573.642.410.000
- Vốn góp tăng trong năm	416.536.350.000	1.757.261.870.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	2.747.440.630.000	2.330.904.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	224.433.290.440	343.508.762.034

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u> <u>Cổ phiếu</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	274.744.063	233.090.428
+ Cổ phiếu phổ thông	274.744.063	233.090.428
Số lượng cổ phiếu lưu hành	274.744.063	233.090.428
+ Cổ phiếu phổ thông	269.744.063	233.090.428
+ Cổ phiếu quỹ	5.000.000	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

14. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ (USD)	3.612,49	1.583,07

15. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hoá cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Báo cáo bộ phận được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 như sau:

Chỉ tiêu	<u>Miền Bắc</u> <u>VND</u>	<u>Miền Trung</u> <u>VND</u>	<u>Miền Nam</u> <u>VND</u>	<u>Cộng</u> <u>VND</u>
1. Doanh thu thuần	653.625.293.478	270.778.068.671	652.439.818.221	1.576.843.180.370
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	653.122.613.151	270.778.068.671	652.439.818.221	1.576.340.500.043
- Doanh thu khác	502.680.327	-	-	502.680.327
2. Giá vốn	596.377.886.811	260.131.839.994	632.322.868.989	1.488.832.595.794
- Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	595.624.419.919	260.131.839.994	632.322.868.989	1.488.079.128.902
- Giá vốn hoạt động khác	753.466.892	-	-	753.466.892
3. Lợi nhuận gộp	57.247.406.667	10.646.228.677	20.116.949.232	88.010.584.576
- Bán hàng hóa, thành phẩm	57.498.193.232	10.646.228.677	20.116.949.232	88.261.371.141
- Hoạt động khác	(250.786.565)	-	-	(250.786.565)
4. Lợi nhuận trước thuế	97.539.861.461	18.572.136.971	39.214.427.074	155.326.425.506
- Bán hàng hóa, thành phẩm	76.615.657.074	18.572.136.971	39.214.427.074	134.402.221.119
- Hoạt động khác	(250.786.565)	-	-	(250.786.565)
- LN khác	21.174.990.952	-	-	21.174.990.952

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh

Theo số liệu trình bày nêu trên, hoạt động thứ yếu là hoạt động cung cấp dịch vụ khác.

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>1.577.706.816.734</i>	<i>3.512.705.644.333</i>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.577.204.136.407	3.512.074.359.240
Doanh thu cung cấp dịch vụ, linh kiện	502.680.327	631.285.093
<i>Các khoản giảm trừ</i>	<i>863.636.364</i>	<i>4.707.272.746</i>
Chiết khấu thương mại	-	1.590.909.110
Hàng bán trả lại	863.636.364	3.116.363.636
Doanh thu thuần	1.576.843.180.370	3.507.998.371.587

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng, thành phẩm	1.489.114.097.260	3.124.163.249.014
Giá vốn cung cấp dịch vụ, linh kiện	1.034.962.351	234.563.803
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;	(1.316.463.817)	509.172.208
Cộng	1.488.832.595.794	3.124.906.985.025

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	61.239.013.474	28.172.741.588
Lãi chênh lệch tỷ giá	403.460.904	2.578.795.153
Cộng	61.642.474.378	30.751.536.741

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	487.500.000	8.832.492.790
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.193.165.814	10.873.071.304
Cộng	2.680.665.814	19.705.564.094

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Trong năm, Công ty thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm như sau:

	Năm nay Số lượng cổ phiếu	Năm trước (Đã trình bày lại) Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	233.090.428	57.364.241
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng CP	11.653.635	16.835.630
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu tăng trong năm	22.666.667	66.204.260
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành	267.410.730	140.404.131

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (Tiếp theo)

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	138.527.989.942	481.178.462.117
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	138.527.989.942	481.178.462.117
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	262.410.730	140.404.131
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	528	3.427

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, giá mua hàng	1.488.832.595.794	3.209.167.396.717
Chi phí nhân công	4.461.180.100	3.588.354.700
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.928.429.914	1.545.254.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	6.431.348.572	10.231.150.391
Cộng	1.501.653.554.380	3.224.532.156.643

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	702.509.175.685	1.171.668.961.521
Phải thu khách hàng, phải thu khác	171.990.725.161	34.964.901.705
Đầu tư tài chính ngắn hạn	951.688.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	788.081.827.022	576.886.985.528
Cộng	2.614.269.727.868	1.783.520.848.754
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	75.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	50.000.689.700	48.958.710.550
Chi phí phải trả	-	613.636.373
Công nợ tài chính khác	642.388.897	1.526.779.294
Cộng	50.643.078.597	126.099.126.217

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (tiếp theo)

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ có thể chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v... Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào bởi vì các khoản phải vay áp dụng lãi suất cố định.

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	702.509.175.685	-	702.509.175.685
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.367.515.161	139.623.210.000	171.990.725.161
Đầu tư tài chính ngắn hạn	951.688.000.000	-	951.688.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	788.081.827.022	788.081.827.022
Cộng	1.686.564.690.846	927.705.037.022	2.614.269.727.868
Số cuối năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	50.000.689.700	-	50.000.689.700
Công nợ tài chính khác	642.388.897	-	642.388.897
Cộng	50.643.078.597	-	50.643.078.597
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.635.921.612.249	927.705.037.022	2.563.626.649.271

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.171.668.961.521	-	1.171.668.961.521
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.964.901.705	-	34.964.901.705
Đầu tư tài chính dài hạn	-	576.886.985.528	576.886.985.528
Cộng	1.206.633.863.226	576.886.985.528	1.783.520.848.754
Số đầu năm			
Các khoản vay	75.000.000.000	-	75.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	48.958.710.550	-	48.958.710.550
Chi phí phải trả	613.636.373	-	613.636.373
Công nợ tài chính khác	1.526.779.294	-	1.526.779.294
Cộng	126.099.126.217	-	126.099.126.217
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.080.534.737.009	576.886.985.528	1.657.421.722.537

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

23. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia không bao gồm 17.106.051.906 đồng là khoản tiền lãi tiền gửi chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

24. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN CỦA CÔNG TY TNHH PRUKSA VIỆT NAM

Ngày 02/01/2013, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận Đầu tư số 021 022 000 215 cấp ngày 12/07/2010 thành lập Công ty TNHH Prukca Việt Nam, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0201288966 thay đổi lần thứ hai ngày 09/01/2016 của Công ty TNHH Prukca Việt Nam, theo đó vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 27.523.810 USD, Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy sở hữu 46,35%.

Ngày 13/7/2015, UBND Tp. Hải Phòng đã cấp Quyết định số 1614/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án này do Công ty TNHH Pruska Việt Nam là chủ đầu tư với tổng diện tích giao đất (đợt 1) là 20.014,3 m².

Tại thời cuối năm 2016, dự án đã bàn giao được 76% các căn hộ hoàn thành chào bán, đồng thời dự án tiếp tục đầu tư xây dựng 02 block nhà 3 tầng.

25. THÔNG TIN KHÁC

Tại thời điểm 03/01/2017, công ty không còn đáp ứng được điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng, do đó Công ty không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ ngày 01/01/2017.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

	Bản chất bên liên quan	
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	Cùng cổ đông lớn và thành viên HĐQT	
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty liên kết	
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết	
Công ty TNHH Prukca Việt Nam	Công ty liên kết	

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy		
Mua hàng hóa, dịch vụ	401.918.900.000	606.771.809.183
Thanh toán và ứng trước tiền hàng	248.920.074.750	248.920.074.750
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp		
Bán hàng hóa, thành phẩm	13.977.500.000	40.869.500.000
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam		
Góp vốn	208.000.000.000	-
Bán hàng hóa, thành phẩm	-	11.897.000.000
Nhận tiền hàng	-	-
Công ty TNHH Prukca Việt Nam		
Giá trị công trình thi công bàn giao	20.826.854.379	20.826.854.379
Chi phí khác	762.519.765	-

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy		
Phải thu do ứng trước tiền mua hàng	5.139.000.000	156.651.825.250
Phải trả thương mại	1.486.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp		
Phải trả do nhận ứng trước tiền hàng	190.000.000	100.000.000
Công ty TNHH Prukasa Việt Nam		
Phải trả khác	47.074.020.000	47.074.020.000

Thu nhập của Ban giám đốc

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương thưởng và các khoản phúc lợi	502.235.400	402.620.000

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán.

28. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN NĂM 2016 SO VỚI NĂM 2015

Năm 2016, phân khúc sản phẩm của Công ty trong thị trường ô-tô có sự bão hoà. Nguyên nhân chính là do chính sách kiểm soát tải trọng xe đã đi vào ổn định và không còn hiện tượng tăng trưởng nhu cầu đột biến như giai đoạn 2014 – 2015. Doanh thu thuần hợp nhất năm 2016 của Công ty đạt 1.576.843.180.370 đồng, so với năm 2015 là giảm 55,06%. Do đó, lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công ty đạt 138.514.676.294 đồng, giảm 71,20% so với năm 2015.



Bùi Thị Minh Nguyệt
 Người lập biểu

Ngày 06 tháng 02 năm 2017



Hồ Thị Xuân Hòa
 Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh
 Giám đốc